

Số: 316/TB-ĐHNT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

THÔNG BÁO

Xét tuyển trình độ đại học hình thức chính quy năm 2023

Trường Đại học Ngoại thương thông báo xét tuyển vào đại học chính quy năm 2023 như sau:

1.1. Phương thức 1- Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT dành cho thí sinh tham gia/đạt giải trong kỳ thi HSG quốc gia hoặc trong cuộc thi KHKT quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của trường, đạt giải (nhất, nhì, ba) HSG cấp Tỉnh/Thành phố lớp 11 hoặc lớp 12, thí sinh thuộc hệ chuyên của trường THPT trọng điểm quốc gia/THPT chuyên (theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên và Thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên)

1.1.1. Thời gian đăng ký nguyện vọng: từ ngày **22/05/2023** đến 17h00 ngày **31/05/2023**.

1.1.2. Các chương trình áp dụng: Chi tiết tại Bảng chỉ tiêu ở mục 3 thông báo này.

1.1.3. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký

1.1.3.1. Đối với thí sinh tham gia/đạt giải trong Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia hoặc trong Cuộc thi KHKT cấp quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức, thuộc lĩnh vực phù hợp với các môn trong tổ hợp xét tuyển của trường (bao gồm các môn Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật)

- Tốt nghiệp THPT năm 2023;

- Tham dự/đạt giải trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia các môn trong tổ hợp môn xét tuyển của trường hoặc trong Cuộc thi KHKT cấp quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức mà nội dung đề tài được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp với môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường (bao gồm các môn Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật);

- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên;

- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên.

1.1.3.2. Đối với thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi HSG cấp Tỉnh/Thành phố lớp 11 hoặc lớp 12 (bao gồm cả thí sinh thi vượt cấp) một trong các môn thi riêng biệt thuộc tổ hợp xét tuyển của trường (bao gồm Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật)

- Tốt nghiệp THPT năm 2023;

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố lớp 11 hoặc lớp 12 (bao gồm cả thí sinh thi vượt cấp) một trong các môn riêng biệt thuộc tổ hợp môn xét tuyển của trường (bao gồm Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật);

- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên;

- Có điểm trung bình chung học tập của 05 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường (trong đó có môn Toán và môn thi đạt giải học sinh giỏi) đạt từ 8,5 điểm trở lên (tính trung bình chung của cả 3 môn, làm tròn đến một chữ số thập phân);

- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên.

1.1.3.3. Đối với thí sinh học hệ chuyên các môn chuyên Toán, Toán-Tin, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật của trường THPT trọng điểm quốc gia/THPT chuyên (theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên và Thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên)

- Tốt nghiệp THPT năm 2023;

- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 8,5 trở lên;

- Có điểm trung bình chung học tập của 05 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 của cả 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường (trong đó có môn Toán) đạt từ 9,0 điểm trở lên (tính trung bình chung của 3 môn, làm tròn đến một chữ số thập phân);

- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên.

1.1.4. Quy trình đăng ký và nộp hồ sơ đăng ký nguyện vọng

Các bước thực hiện đăng ký nguyện vọng:

Bước 1: Thí sinh đăng ký/tạo tài khoản trên Hệ thống xét tuyển riêng của Trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn>.

Đối với các thí sinh đã có tài khoản, chuyển sang thực hiện Bước 2.

Bước 2: Thí sinh đăng ký nguyện vọng, tải các hồ sơ cần thiết (bản file) theo yêu cầu và in phiếu đăng ký xét tuyển trên Hệ thống xét tuyển trực tuyến Trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn> từ ngày **22/05/2023** đến 17h00 ngày **31/05/2023**.

Bước 3: Chuẩn bị hồ sơ gồm có:

1. Tất cả các thí sinh phải chuẩn bị:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo đúng quy định ở Bước 1;

- Học bạ THPT hoặc Xác nhận kết quả học tập 05 học kỳ năm lớp 10,11 và Học kỳ 1 năm lớp 12 (bản công chứng);

- Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (bản công chứng);

- Các giấy tờ minh chứng ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (bản công chứng, nếu có);

2. Đối với thí sinh tham gia/đạt giải trong Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia/Cuộc thi KHKT cấp quốc gia cần chuẩn bị thêm:

a. Quyết định hoặc Giấy chứng nhận tham gia Kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Cuộc thi KHKT cấp quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (bản công chứng). Riêng thí sinh tham dự/đạt giải Cuộc thi KHKT cấp quốc gia yêu cầu phải nộp thêm bản tóm tắt mô tả đề tài có xác nhận của đơn vị tổ chức cuộc thi để Hội đồng tuyển sinh đánh giá mức độ phù hợp với môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường.

b. Giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi HSG quốc gia hoặc cuộc thi KHKT cấp quốc gia (bản công chứng, nếu có).

3. Đối với thí sinh đạt giải (nhất, nhì, ba) trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố lớp 11 hoặc lớp 12 cần chuẩn bị thêm:

- Quyết định hoặc Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố (bản công chứng).

4. Đối với thí sinh học hệ chuyên các môn chuyên Toán, Toán-Tin, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật cần chuẩn bị thêm:

- Giấy xác nhận học hệ chuyên theo quy định của Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên và thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên (theo mẫu của trường Đại học Ngoại thương, bản gốc) hoặc Giấy báo trúng tuyển vào hệ chuyên, trường chuyên (bản công chứng).

Bước 3: Gửi/nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh **trước 17h00 ngày 31/05/2023** (nếu nộp bằng đường bưu điện/ chuyển phát nhanh tính theo dấu bưu điện/ chuyển phát nhanh).

Lưu ý: Sau khi có kết quả trúng tuyển sớm (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT), thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải thực hiện các bước xác nhận nguyện vọng theo học theo hướng dẫn của Trường để hoàn tất quá trình đăng ký xét tuyển trên hệ thống xét tuyển của Trường.

1.1.5. Tổ chức xét tuyển

* Căn cứ xét tuyển: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

Điểm xét tuyển = M1 + M2 + M3 + Điểm ưu tiên giải (nếu có) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)

Trong đó:

- M1, M2, M3: là điểm trung bình chung học tập 05 học kỳ (bao gồm học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm lớp 10,11 và học kỳ 1 năm lớp 12) của 03 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển của Trường đáp ứng các điều kiện nộp hồ sơ ở mục 1.1.3.

+ Đối với thí sinh thuộc đối tượng tham gia thi/đạt giải Kỳ thi HSG/KHKT cấp quốc gia hoặc đạt giải HSG Tỉnh/Thành phố: trong tổ hợp 03 môn xét tuyển phải có môn/lĩnh vực thí sinh tham gia thi/đạt giải HSG.

+ Đối với thí sinh xét tuyển chương trình Ngôn ngữ thương mại: M1, M2, M3 là 03 môn Toán, Văn, Ngoại ngữ.

+ Thí sinh chỉ sử dụng môn ngoại ngữ chính (môn bắt buộc hoặc môn chuyên) để xét tuyển. Môn ngoại ngữ thứ hai (môn tự chọn hoặc không chuyên) không được dùng để xét tuyển theo các tổ hợp của Trường.

- Điểm ưu tiên giải (nếu có):

+ Đối với thí sinh thuộc đối tượng tham gia thi/đạt giải Kỳ thi HSG/KHKT cấp quốc gia: Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia các môn (Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất	: được cộng 04 (bốn) điểm
Giải Nhì	: được cộng 03 (ba) điểm
Giải Ba	: được cộng 02 (hai) điểm
Giải Khuyến khích	: được cộng 01 (một) điểm

+ Đối với thí sinh thuộc đối tượng HSG Tỉnh/Thành phố: Các thí sinh đạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi HSG cấp Tỉnh/Thành phố các môn trong tổ hợp xét tuyển của Trường năm lớp 11 hoặc lớp 12 được cộng điểm như sau:

Giải Nhất	: được cộng 02 (hai) điểm
Giải Nhì	: được cộng 01 (một) điểm

Lưu ý: Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Điểm ưu tiên đối tượng chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có):

Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường.

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực (nếu có) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực = $\{[30 - (M1+M2+M3)]/7,5\} \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực})$

1.1.6. Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng và phương thức xét tuyển.

- Các thí sinh sau khi trúng tuyển vào các chương trình tiêu chuẩn có nguyện vọng tham gia các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình định hướng nghề nghiệp và phát triển quốc tế sẽ đăng ký xét tuyển theo thông báo tuyển sinh các chương trình của Trường.

- Cách thức xét tuyển chung:

+ Thí sinh được xét tuyển bình đẳng, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách trúng tuyển, Trường sử dụng tiêu chí phụ xét tuyển theo điểm trung bình chung học tập môn Toán và thứ tự ưu tiên nguyện vọng.

+ Thí sinh chỉ được xác định đủ điều kiện vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

- Trường hợp thí sinh đủ điều kiện tham gia cả phương thức 1, 2 và 5 và có nguyện vọng đăng ký cả 03 phương thức: Thí sinh được đăng ký đồng thời các phương thức trên hệ thống <https://tuyensinh.ftu.edu.vn> và sắp xếp theo thứ tự nguyện vọng của các phương thức theo hướng dẫn.

1.2. Phương thức 2 – Phương thức xét tuyển kết hợp giữa Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và kết quả học tập THPT/chứng chỉ năng lực quốc tế dành cho thí sinh hệ chuyên, hệ không chuyên của các trường THPT/các trường THPT quốc tế

1.2.1. Thời gian đăng ký nguyện vọng: từ ngày 22/05/2023 đến 17h00 ngày 31/05/2023.

1.2.2. Các chương trình áp dụng: Chi tiết tại Bảng chỉ tiêu ở mục 3 thông báo này.

1.2.3. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký

1.2.3.1. Đối với thí sinh thuộc hệ chuyên các môn chuyên Toán, Toán-Tin, Tin, Lý, Hóa, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật của các trường THPT trọng điểm quốc gia/THPT chuyên (theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên và Thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên)

a. Đối với các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT (không bao gồm các chương trình CLC ngành Ngôn ngữ)

- Tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên;

- Có điểm trung bình chung học tập của 05 học kỳ năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 02 môn thuộc tổ hợp xét tuyển: Toán-Lý hoặc Toán-Hóa hoặc Toán-Văn đạt từ 8,5 trở lên (tính chung bình chung của 02 môn, làm tròn đến một chữ số thập phân);

- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) đạt từ 180 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Anh trở lên;

- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên.

b. Đối với các chương trình Chất lượng cao ngành Ngôn ngữ

- Tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên;

- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên;

- Có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế cụ thể như sau:

Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Anh	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Nhật	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Pháp	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Trung
Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) đạt từ 180 điểm trở lên hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn tiếng Anh trở lên.	Chứng chỉ tiếng Nhật trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt trình độ từ N3 với mức điểm từ 130/180 điểm trở lên của kỳ thi Năng lực tiếng Nhật JLPT do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation – JF) và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services – JEES) phối hợp tổ chức, hoặc Điểm bài thi môn tiếng Nhật (bao gồm điểm của các phân môn Nghe hiểu, Đọc hiểu, Nghe đọc hiểu và Viết luận) trong Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) đạt từ 220 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Nhật trở lên.	Bằng tiếng Pháp trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) từ DELF – B2 trở lên do Đại sứ quán Pháp cấp, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Pháp trở lên.	Chứng chỉ tiếng Trung trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt trình độ từ HSK 4 với mức điểm 280/300 điểm trở lên do Hanban cấp, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Trung trở lên.

1.2.3.2. Đối với thí sinh hệ không chuyên (hoặc hệ chuyên, lớp chuyên môn khác với các môn trong tổ hợp môn xét tuyển của trường).

a. Đối với các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT (không bao gồm các chương trình CLC ngành Ngôn ngữ)

- Tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 8,5 trở lên;
- Có điểm trung bình chung học tập của 05 học kỳ năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 02 môn thuộc tổ hợp xét tuyển: Toán-Lý hoặc Toán-Hoá đạt từ 9,0 trở lên hoặc Toán-Văn đạt từ 8,8 trở lên (tính trung bình chung của 02 môn, làm tròn đến một chữ số thập phân);
- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) có điểm đạt từ 180 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Anh trở lên;
- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên.

b. Đối với chương trình Chất lượng cao ngành Ngôn ngữ

- Tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 8,5 trở lên;

- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế cụ thể như sau:

Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Anh	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Nhật	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Pháp	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Trung
Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) đạt từ 180 điểm trở lên hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn tiếng Anh trở lên.	Chứng chỉ tiếng Nhật trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt trình độ từ N3 với mức điểm từ 130/180 điểm trở lên của kỳ thi Năng lực tiếng Nhật JLPT do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation – JF) và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services – JEES) phối hợp tổ chức, hoặc Điểm bài thi môn tiếng Nhật (bao gồm điểm của các phân môn Nghe hiểu, Đọc hiểu, Nghe đọc hiểu và Viết luận) trong Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) đạt từ 220 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Nhật trở lên.	Bằng tiếng Pháp trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) từ DELF – B2 trở lên do Đại sứ quán Pháp cấp, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Pháp trở lên.	Chứng chỉ tiếng Trung trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt trình độ từ HSK 4 với mức điểm 280/300 điểm trở lên do Hanban cấp, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Trung trở lên.

1.2.3.3. Đối với thí sinh có các chứng chỉ năng lực quốc tế SAT, ACT hoặc A-level

a. Đối với các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT (không bao gồm các chương trình CLC ngành Ngôn ngữ)

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Có chứng chỉ SAT từ 1260 điểm trở lên, hoặc chứng chỉ ACT từ 27 điểm trở lên, hoặc chứng chỉ A- Level với điểm môn Toán (Mathematics) đạt từ điểm A trở lên. Các chứng chỉ được cấp trong thời gian 03 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển;
- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) có điểm đạt từ 180 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Anh trở lên.

b. Đối với chương trình Chất lượng cao ngành Ngôn ngữ

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Có chứng chỉ SAT từ 1260 điểm trở lên, hoặc chứng chỉ ACT từ 27 điểm trở lên, hoặc chứng chỉ A- Level với điểm môn Toán (Mathematics) đạt từ điểm A trở lên. Các chứng chỉ được cấp trong thời gian 03 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế cụ thể như sau:

Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Anh	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Nhật	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Pháp	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Trung
Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) đạt từ 180 điểm trở lên hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn tiếng Anh trở lên.	Chứng chỉ tiếng Nhật trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt trình độ từ N3 với mức điểm từ 130/180 điểm trở lên của kỳ thi Năng lực tiếng Nhật JLPT do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation – JF) và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services – JEES) phối hợp tổ chức, hoặc Điểm bài thi môn tiếng Nhật (bao gồm điểm của các phân môn Nghe hiểu, Đọc hiểu, Nghe đọc hiểu và Viết luận) trong Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) đạt từ 220 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Nhật trở lên.	Bằng tiếng Pháp trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) từ DELF – B2 trở lên do Đại sứ quán Pháp cấp, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Pháp trở lên.	Chứng chỉ tiếng Trung trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt trình độ từ HSK 4 với mức điểm 280/300 điểm trở lên do Hanban cấp, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Trung trở lên.

Lưu ý: Thí sinh tốt nghiệp THPT do nước ngoài cấp bằng phải kiểm định bằng tốt nghiệp theo quy định của Việt Nam.

1.2.4. Quy trình đăng ký và nộp hồ sơ đăng ký nguyện vọng

Các bước thực hiện nộp hồ sơ:

Bước 1: Thí sinh đăng ký/tạo tài khoản trên hệ thống xét tuyển riêng của Trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn>.

Đối với các thí sinh đã có tài khoản, chuyển sang thực hiện Bước 2.

Bước 2: Thí sinh đăng ký nguyện vọng, tải các hồ sơ cần thiết (bản file) theo yêu cầu và in phiếu đăng ký xét tuyển trên Hệ thống xét tuyển trực tuyến của Trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn> từ ngày **22/05/2023** đến 17h00 ngày **31/05/2023**.

Bước 3: Chuẩn bị hồ sơ gồm có:

- Tất cả thí sinh phải chuẩn bị:
 - Phiếu đăng ký xét tuyển đúng quy định ở Bước 2;
 - Học bạ THPT hoặc Xác nhận kết quả học tập 5 học kỳ năm lớp 10, 11 và Học kỳ 1 năm lớp 12 (bản công chứng) hoặc Chứng chỉ năng lực quốc tế SAT, ACT (bản copy) – nếu có hoặc A-level (bản công chứng) – nếu có;
 - Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế (bản công chứng);
 - Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (bản công chứng);

- Các giấy tờ minh chứng ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (bản công chứng, nếu có);

2. Đối với thí sinh học hệ chuyên các môn chuyên Toán, Toán-Tin, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật cần chuẩn bị thêm:

- Giấy xác nhận học hệ chuyên theo quy định của Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên và thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên (theo mẫu của trường Đại học Ngoại thương, bản gốc) hoặc Giấy báo trúng tuyển vào hệ chuyên, trường chuyên (bản công chứng).

Bước 4: Gửi/nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh trước **17h00** ngày **31/05/2023** (nếu nộp bằng đường bưu điện/ chuyển phát nhanh tính theo dấu bưu điện/ chuyển phát nhanh).

Lưu ý: Sau khi có kết quả trúng tuyển sớm (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT), thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải thực hiện các bước xác nhận nguyện vọng theo học theo hướng dẫn của Trường để hoàn tất quá trình đăng ký xét tuyển trên hệ thống xét tuyển của Trường.

1.2.5. Tổ chức xét tuyển:

a. Đối với thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT

* Căn cứ xét tuyển: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

Điểm xét tuyển = M1 + M2 + M3 + Điểm ưu tiên giải (nếu có) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)

Trong đó:

- M1, M2: là điểm trung bình chung học tập 05 học kỳ (bao gồm học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) của 02 môn thuộc tổ hợp xét tuyển: Toán-Lý hoặc Toán-Hoá hoặc Toán-Văn; đối với các ngành ngôn ngữ thương mại, tổ hợp 02 môn xét tuyển là Toán- Văn;

- M3: Điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật;

- M1, M2, M3: phải đáp ứng các điều kiện nộp hồ sơ ở mục 1.2.3.

- Điểm ưu tiên giải (nếu có): Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia các môn (Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất : được cộng 04 (bốn) điểm

Giải Nhì : được cộng 03 (ba) điểm

Giải Ba : được cộng 02 (hai) điểm

Giải Khuyến khích : được cộng 01 (một) điểm

Lưu ý: Thí sinh đã dùng giải Học sinh giỏi quốc gia môn Ngoại ngữ để quy đổi điểm M3 thì không được cộng thêm điểm ưu tiên cho giải này. Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Điểm ưu tiên đối tượng chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có):

Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường.

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực (nếu có) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực = $\{[30 - (M1+M2+M3)]/7,5\} \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực})$

b. Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ năng lực quốc tế SAT/ACT/A-level

* Căn cứ xét tuyển: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

Điểm xét tuyển = $M1 + M2 + M3 + \text{Điểm ưu tiên giải (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}$

Trong đó:

- M1: là điểm quy đổi kết quả chứng chỉ SAT, chứng chỉ ACT hoặc điểm môn Toán (Mathematics) trong chứng chỉ A –Level;

- M2: là điểm quy đổi kết quả điểm môn bất kỳ khác môn Toán (Mathematics) trong chứng chỉ A-Level nếu thí sinh sử dụng chứng chỉ A-level để xét tuyển;

- M3: Điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh giỏi quốc gia môn Ngoại ngữ;

- M1, M2, M3: phải đáp ứng các điều kiện nộp hồ sơ ở mục 1.2.3.

- Điểm ưu tiên giải (nếu có): Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia các môn (Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất : được cộng 04 (bốn) điểm

Giải Nhì : được cộng 03 (ba) điểm

Giải Ba : được cộng 02 (hai) điểm

Giải Khuyến khích : được cộng 01 (một) điểm

Lưu ý: Thí sinh đã dùng giải Học sinh giỏi quốc gia môn Ngoại ngữ để quy đổi điểm M3 thì không được cộng thêm điểm ưu tiên cho giải này. Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Điểm ưu tiên đối tượng chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có):

Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường.

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực (nếu có) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực = $\{[30 - (M1+M2+M3)]/7,5\} \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực})$

tiên đối tượng chính sách + Mức điểm ưu tiên khu vực)

1.2.6. Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng và phương thức xét tuyển.

- Cách thức xét tuyển chung:

+ Thí sinh được xét tuyển bình đẳng, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách trúng tuyển, Trường sử dụng tiêu chí phụ xét trúng tuyển theo điểm trung bình chung học tập môn Toán và thứ tự ưu tiên nguyện vọng.

+ Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

- Trường hợp thí sinh đủ điều kiện tham gia cả phương thức 1, 2 và 5 và có nguyện vọng đăng ký cả 03 phương thức: Thí sinh được đăng ký đồng thời các phương thức trên hệ thống <https://tuyensinh.ftu.edu.vn> và sắp xếp theo thứ tự nguyện vọng của các phương thức theo hướng dẫn.

1.3. Phương thức 3 – Phương thức xét tuyển kết hợp giữa Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

1.3.1. Thời gian đăng ký xét tuyển: Dự kiến từ ngày **18/07/2023** đến 17h00 ngày **30/07/2023**.

1.3.2. Các chương trình áp dụng: Chi tiết tại Bảng chỉ tiêu ở mục 3 thông báo này.

1.3.3. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

a. Đối với các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT (không bao gồm các chương trình CLC ngành Ngôn ngữ)

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên;

- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) có điểm đạt từ 180 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba quốc gia môn Tiếng Anh trở lên;

- Tổng điểm 02 môn/bài thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (không bao gồm điểm ưu tiên xét tuyển trong tuyển sinh) trong tổ hợp môn xét tuyển của trường: Toán-Lý hoặc Toán-Hoá hoặc Toán-Văn đạt từ điểm sàn xét tuyển của trường (dự kiến công bố điểm sàn xét tuyển ngay sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023).

- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên.

b. Đối với chương trình CLC Ngôn ngữ thương mại

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên;

- Tổng điểm 02 môn/bài thi tốt nghiệp THPT năm 2023 môn Toán và Văn (không bao gồm điểm ưu tiên xét tuyển) đạt từ điểm sàn xét tuyển của trường (dự kiến công bố điểm sàn xét tuyển ngay sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023);

- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế cụ thể như sau:

Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Anh	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Nhật	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Pháp	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Trung
Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) đạt từ 180 điểm trở lên hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn tiếng Anh trở lên.	Chứng chỉ tiếng Nhật trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt trình độ từ N3 với mức điểm từ 130/180 điểm trở lên của kỳ thi Năng lực tiếng Nhật JLPT do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation – JF) và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services – JEES) phối hợp tổ chức, hoặc Điểm bài thi môn tiếng Nhật (bao gồm điểm của các phân môn Nghe hiểu, Đọc hiểu, Nghe đọc hiểu và Viết luận) trong Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) đạt từ 220 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Nhật trở lên.	Bằng tiếng Pháp trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) từ DELF – B2 trở lên do Đại sứ quán Pháp cấp, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Pháp trở lên.	Chứng chỉ tiếng Trung trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt trình độ từ HSK 4 với mức điểm 280/300 điểm trở lên do Hanban cấp, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Trung trở lên.

1.3.4. Quy trình đăng ký và nộp hồ sơ xét tuyển

Để đảm bảo tính hợp lệ và quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ của hồ sơ xét tuyển cho Phương thức 3, yêu cầu thí sinh thực hiện việc đăng ký đồng thời trên Hệ thống xét tuyển riêng của trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn> và trên Cổng thông tin xét tuyển của Bộ Giáo dục và đào tạo tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>.

a. Đối với việc đăng ký trên Hệ thống xét tuyển riêng của Trường

Thí sinh thực hiện đăng ký và kê khai thông tin theo các bước sau:

Bước 1: Thí sinh đăng ký/tạo tài khoản trên hệ thống xét tuyển riêng của Trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn>.

Đối với các thí sinh đã có tài khoản, chuyển sang thực hiện Bước 2.

Bước 2: Thí sinh điền phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến, kê khai các thông tin cần thiết bao gồm: các thông tin cá nhân (đối với thí sinh mới tạo tài khoản) theo hướng dẫn, điểm thi tốt nghiệp THPT, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và đăng ký nguyện vọng xét tuyển dự kiến trên hệ thống của Trường.

Bước 3: Thí sinh tải các loại hồ sơ cần thiết (bản file) theo yêu cầu lên hệ thống gồm có:

- Học bạ THPT;
- Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế;
- Phiếu kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 hoặc giấy xác nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023;

THPT năm 2023;

- Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực;
- Các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có).

Bước 4: Thí sinh nhân nút hoàn thành/khóa hồ sơ trước 17h00 ngày **30/07/2023**.

b. Đối với việc đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đồng thời với việc thí sinh đăng ký trên hệ thống xét tuyển riêng của trường, thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> để được xét trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh thực hiện việc đăng ký trên Cổng thông tin xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định và hướng dẫn của Trường. Trường sẽ thông báo về việc đăng ký xét tuyển sau khi công bố ngưỡng điểm sàn nộp hồ sơ của phương thức xét tuyển 3.

Lưu ý:

- Thí sinh tham gia xét tuyển Phương thức xét tuyển 3 của Trường bắt buộc phải thực hiện đăng ký trên cả hai hệ thống như hướng dẫn ở trên để được xác định trúng tuyển theo quy định.

- Thí sinh chọn tổ hợp môn riêng (A01_R; D01_R; D02_R; D03_R; D04_R; D06_R; D07_R) để đăng ký vào hệ thống phù hợp với từng chương trình.

- Không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp môn riêng.

- Sau khi có kết quả xét tuyển, thí sinh xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hướng dẫn và thực hiện nhập học chính thức theo hướng dẫn cụ thể của Trường.

1.3.5. Tổ chức xét tuyển:

* Căn cứ xác định trúng tuyển: Xác định trúng tuyển căn cứ trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

Điểm xét tuyển = M1+ M2 + M3 + Điểm ưu tiên giải (nếu có) + Điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách (nếu có)

Trong đó:

- M1, M2: là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của 02 môn trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường là Toán-Lý, Toán-Hóa hoặc Toán-Văn. Đối với các ngành ngôn ngữ, tổ hợp 02 môn xét tuyển là Toán-Văn;

- M3: Điểm quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh giỏi quốc gia môn ngoại ngữ;

- M1, M2, M3: phải đáp ứng các điều kiện nộp hồ sơ ở mục 1.3.3.

- Điểm ưu tiên giải (nếu có): Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia các môn (Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

- | | |
|-------------------|---------------------------|
| Giải Nhất | : được cộng 04 (bốn) điểm |
| Giải Nhì | : được cộng 03 (ba) điểm |
| Giải Ba | : được cộng 02 (hai) điểm |
| Giải Khuyến khích | : được cộng 01 (một) điểm |

Lưu ý: Thí sinh đã dùng giải Học sinh giỏi quốc gia môn Ngoại ngữ để quy đổi điểm M3 thì không được cộng thêm điểm ưu tiên cho giải này. Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Điểm ưu tiên đối tượng chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có):

Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường.

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực (nếu có) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực = $\{[30 - (M1+M2+M3)]/7,5\} \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực})$

1.3.6. Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng và phương thức xét tuyển.

- Cách thức xét tuyển chung:

+ Thí sinh được xét tuyển bình đẳng, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Trường sử dụng tiêu chí phụ xét trúng tuyển theo điểm trung bình chung học tập môn Toán và thứ tự ưu tiên nguyện vọng.

+ Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

1.4. Phương thức 4 – Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo các tổ hợp môn xét tuyển của trường

1.4.1. Thời gian đăng ký xét tuyển: Dự kiến từ ngày **10/07/2023** đến 17h00 ngày **30/07/2023** (theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.4.2. Các chương trình áp dụng: Chi tiết tại Bảng chỉ tiêu ở mục 3 thông báo này.

1.4.3. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Có điểm trung bình chung học tập của từng năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 từ 7,0 trở lên;

- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên;

- Tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức;

- Có tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2023 trong tổ hợp môn xét tuyển của trường và điểm ưu tiên khu vực và đối tượng đạt từ mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển của trường quy định;

- Trường không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ hoặc kết quả điểm thi được bảo lưu theo quy định tại quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT để xét tuyển.

1.4.4. Tổ chức xét tuyển

a. Các Nhóm ngành (Mã xét tuyển) của Trường

* Tại Trụ sở chính Hà Nội:

- Mã nhóm ngành NTH01-01 gồm có ngành Luật (gồm chương trình tiêu chuẩn Luật thương mại quốc tế và chương trình ĐHNQT Luật kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp).

- Mã nhóm ngành NTH01-02 gồm các ngành Kinh tế, ngành Kinh tế quốc tế.
- Mã nhóm ngành NTH02 gồm các ngành Quản trị kinh doanh, ngành Quản trị khách sạn, ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Marketing (bao gồm các chương trình tiêu chuẩn thuộc các ngành này và các chương trình ĐHNQT: chương trình Quản trị khách sạn, chương trình Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, chương trình Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản, chương trình Kinh doanh số, chương trình Marketing số, chương trình Kinh tế chính trị quốc tế). Riêng thí sinh đăng ký tổ hợp D06 vào nhóm ngành NTH02 chỉ được đăng ký xét tuyển vào chương trình Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản.

- Mã nhóm ngành NTH03 gồm các ngành Tài chính-Ngân hàng, ngành Kế toán (bao gồm các chương trình tiêu chuẩn và chương trình ĐHNQT Kế toán theo định hướng ACCA).

- Mã nhóm ngành NTH04 gồm ngành Ngôn ngữ Anh.
- Mã nhóm ngành NTH05 gồm ngành Ngôn ngữ Pháp.
- Mã nhóm ngành NTH06 gồm ngành Ngôn ngữ Trung.
- Mã nhóm ngành NTH07 gồm ngành Ngôn ngữ Nhật.
- Mã nhóm ngành NTH09 gồm ngành Kinh tế chính trị.

* *Tại Cơ sở Quảng Ninh:* Mã nhóm ngành NTH08 (học tại Quảng Ninh) gồm các ngành Kế toán, Kinh doanh quốc tế.

* *Tại Cơ sở II-TP Hồ Chí Minh:*

- Mã ngành NTS01 gồm các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh.
- Mã ngành NTS02 gồm các ngành Tài chính-Ngân hàng, ngành Kế toán, ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Marketing với các chương trình ĐHNQT: chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, chương trình Truyền thông Marketing tích hợp.

b. Nguyên tắc xét tuyển

* Đối với các mã xét tuyển NTH01-01, NTH01-02, NTH02-01, NTH02-02, NTH03, NTH08, NTH09, NTS01, NTS02: Các môn nhân hệ số 1.

Công thức tính: **Điểm xét tuyển** = M1 + M2 + M3 + Điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng (nếu có) + Điểm ưu tiên xét tuyển (nếu có)

Trong đó:

- M1, M2, M3: là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của 03 môn trong tổ hợp môn xét tuyển của trường đáp ứng các điều kiện nộp hồ sơ ở mục 1.4.3.

- Điểm ưu tiên đối tượng chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có):

Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường.

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực (nếu có) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực = $\{[30 - (M1+M2+M3)]/7,5\} \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực})$

* Đối với mã xét tuyển NTH04, NTH05, NTH06, NTH07: Điểm môn Ngoại ngữ nhân hệ số 2.

Công thức tính: **Điểm xét tuyển** = (M1+M2+M3*2) + [(Điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng (nếu có) + Điểm ưu tiên xét tuyển (nếu có))*4/3.

Trong đó:

- M1, M2: Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của môn Toán và môn Văn;
- M3: Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của môn Ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nhật, Trung).
- Điểm ưu tiên đối tượng chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có):

Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường.

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực (nếu có) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và khu vực = $\{[30 - (M1+M2+M3)]/7,5\} \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực})$

* Chênh lệch giữa các tổ hợp môn xét tuyển:

- Đối với Trụ sở chính Hà Nội và Cơ sở II-TP. Hồ Chí Minh:
 - + Tổ hợp môn xét tuyển A01, D01, D02, D03, D04, D06, D07 thấp hơn tổ hợp môn xét tuyển A00 là 0,5 điểm/ thang 30 điểm.
 - + Ngành Ngôn ngữ Pháp (Môn ngoại ngữ nhân hệ số 2): Tổ hợp môn xét tuyển D03 thấp hơn tổ hợp môn xét tuyển D01 là 1 điểm /thang 40 điểm.
 - + Ngành Ngôn ngữ Trung (Môn ngoại ngữ nhân hệ số 2): Tổ hợp môn xét tuyển D04 thấp hơn tổ hợp môn xét tuyển D01 là 1 điểm /thang 40 điểm.
 - + Ngành Ngôn ngữ Nhật (Môn ngoại ngữ nhân hệ số 2): Tổ hợp môn xét tuyển D06 thấp hơn tổ hợp môn xét tuyển D01 là 1 điểm/thang 40 điểm.
 - Đối với Cơ sở Quảng Ninh:
 - + Mã xét tuyển NTH08 (học tại cơ sở Quảng Ninh): Không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển.

* Điểm trúng tuyển được xác định theo Nhóm ngành (theo Mã xét tuyển) và được xác định riêng cho từng cơ sở bao gồm Trụ sở chính Hà Nội, Cơ sở II – TP. Hồ Chí Minh và Cơ sở Quảng Ninh.

* Thí sinh sau khi đã trúng tuyển vào trường theo Nhóm ngành (theo Mã xét tuyển) được xét tuyển vào ngành đào tạo trong nhóm ngành của trường căn cứ trên nguyện vọng đăng ký ngành theo thứ tự ưu tiên của thí sinh và chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành xét tuyển.

Sau khi trúng tuyển vào ngành, thí sinh được quyền lựa chọn chuyên ngành đăng ký tương ứng phù hợp, theo nguyện vọng trong quá trình học.

* Thí sinh sau khi trúng tuyển theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (Phương thức xét tuyển 4) có nguyện vọng tham gia các CTTT, CLC, ĐHNN&PTQT sẽ đăng ký xét tuyển theo thông báo tuyển sinh các chương trình của trường.

1.5. Phương thức 5 – Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi ĐGNL do ĐHQG Hà Nội và ĐHQG TP.HCM tổ chức trong năm 2023

1.5.1. Thời gian đăng ký nguyện vọng: Dự kiến từ ngày **22/05/2023** đến 17h00 ngày **31/05/2023**.

1.5.2. Các chương trình áp dụng: Chi tiết tại Bảng chỉ tiêu ở mục 3 thông báo này.

1.5.3. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký nguyện vọng

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Có điểm trung bình chung học tập của từng năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 từ 7,0 trở lên;

- Có kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQG Hà Nội năm 2023 từ 100/150 điểm hoặc kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM năm 2023 từ 850/1200 điểm;
- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên.

1.5.4. Quy trình đăng ký và nộp hồ sơ đăng ký nguyện vọng

Các bước thực hiện nộp hồ sơ:

Bước 1: Thí sinh đăng ký/tạo tài khoản trên hệ thống xét tuyển riêng của Trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn>.

Đối với các thí sinh đã có tài khoản, chuyển sang thực hiện Bước 2.

Bước 2: Thí sinh đăng ký nguyện vọng, tải các hồ sơ cần thiết (bản file) theo yêu cầu và in phiếu đăng ký xét tuyển trên Hệ thống xét tuyển trực tuyến của Nhà trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn> từ ngày **22/05/2023** đến 17h00 ngày **31/05/2023**.

Bước 3: Chuẩn bị hồ sơ gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển đã in ở Bước 1;
- Học bạ THPT hoặc Xác nhận kết quả học tập 5 học kỳ năm lớp 10, 11 và Học kỳ 1 năm lớp 12 (bản công chứng);
- Phiếu kết quả thi ĐGNL hoặc giấy xác nhận kết quả điểm thi ĐGNL do ĐHQG Hà Nội và ĐHQG TP.HCM tổ chức trong năm 2023 (bản công chứng);
- Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (bản công chứng);
- Các giấy tờ minh chứng ưu tiên theo đối tượng chính sách (bản công chứng, nếu có).

Bước 4: Gửi/nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh **trước 17h00 ngày 31/05/2023** (nếu nộp bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh tính theo dấu bưu điện/ chuyển phát nhanh).

Lưu ý: Sau khi có kết quả trúng tuyển sớm (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT), thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải thực hiện các bước xác nhận nguyện vọng theo học theo hướng dẫn của Trường để hoàn tất quá trình đăng ký xét tuyển trên hệ thống xét tuyển của Trường.

1.5.5. Tổ chức xét tuyển

* Căn cứ xét tuyển: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định từ 100 điểm trở lên theo thang điểm 150 đối với kết quả thi ĐGNL của Đại học Quốc gia Hà Nội và từ 850 điểm trở lên theo thang điểm 1200 đối với kết quả thi ĐGNL của ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

- Điểm ĐGNL của thí sinh được quy đổi về thang 30 theo công thức:

+ Điểm quy đổi về thang 30 của ĐGNL ĐHQG HN (Điểm quy đổi HN) = $27 + (\text{Điểm ĐGNL của thí sinh} - 100) \cdot 3/50$

+ Điểm quy đổi về thang 30 của ĐGNL ĐHQG TP.HCM (Điểm quy đổi TP.HCM) = $27 + (\text{Điểm ĐGNL của thí sinh} - 850) \cdot 3/350$

- Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

Điểm xét tuyển = Điểm quy đổi HN/Điểm quy đổi TP. HCM + Điểm ưu tiên giải (nếu có) + Điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách (nếu có)

- Điểm ưu tiên giải (nếu có): Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia các môn (Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất	: được cộng 04 (bốn) điểm
Giải Nhì	: được cộng 03 (ba) điểm
Giải Ba	: được cộng 02 (hai) điểm
Giải Khuyến khích	: được cộng 01 (một) điểm

Lưu ý: Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách (nếu có):

Điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường.

Điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách (nếu có) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi kết quả thi ĐGNL về điểm theo thang 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách = $\{[30 - (\text{Điểm quy đổi HN}/\text{Điểm quy đổi TP.HCM})]/7,5\} \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực})$

Lưu ý: Thí sinh xét tuyển theo phương thức này chỉ được chọn đăng ký xét tuyển tại 1 trong 2 cơ sở của trường: Trụ sở chính Hà Nội hoặc Cơ sở II – TP. Hồ Chí Minh.

Thí sinh sau khi trúng tuyển vào trường theo ngành/chuyên ngành được đăng ký vào các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh và các chương trình định hướng nghề nghiệp & phát triển quốc tế theo thông báo chi tiết xét tuyển các chương trình này.

1.5.6. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng và phương thức xét tuyển.

- Cách thức xét tuyển chung:

+ Thí sinh được xét tuyển bình đẳng, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sử dụng tiêu chí phụ xét tuyển theo điểm trung bình chung học tập môn Toán và thứ tự ưu tiên nguyện vọng.

+ Thí sinh chỉ được xác định hồ sơ đủ điều kiện vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

- Trường hợp thí sinh đủ điều kiện tham gia cả phương thức 1, 2 và 5 và có nguyện vọng đăng ký cả 03 phương thức: Thí sinh được đăng ký đồng thời các phương thức trên hệ thống <https://tuyensinh.ftu.edu.vn> và sắp xếp theo thứ tự nguyện vọng của các phương thức theo hướng dẫn.

1.6. Phương thức 6 – Phương thức xét tuyển thẳng năm 2023

1.6.1. Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển: Dự kiến từ **22/05/2023** đến 17h00 ngày **30/06/2023**.

1.6.2. Các chương trình áp dụng: Chi tiết tại Bảng chỉ tiêu ở mục 3 thông báo này.

1.6.3. Đối tượng xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.6.3.1. Đối tượng áp dụng:

a. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

b. Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic quốc tế hoặc Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế (nội dung đề tài dự thi của thí sinh được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp với môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của trường) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức,

cử tham gia với môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký được tuyển thẳng vào ngành đăng ký. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

c. Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia các môn Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung và Tiếng Nhật, tốt nghiệp THPT, được tuyển thẳng vào ngành đúng với môn thí sinh đạt giải (Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung, Ngôn ngữ Nhật). Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

d. Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền theo quy định, không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường có điểm trung bình học tập từng năm lớp 10, 11, 12 từ 8,0 trở lên. Căn cứ vào kết quả học tập của học sinh, tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo, Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định cho vào học.

e. Thí sinh là người nước ngoài, đã tốt nghiệp THPT theo quy định, đạt yêu cầu về kiểm tra kiến thức và ngôn ngữ của từng chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt (đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài) hoặc Tiếng Anh (theo quy định cụ thể từng chương trình của trường). Căn cứ vào hồ sơ xin học và yêu cầu của ngành đào tạo, Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ xem xét quyết định cho vào học.

f. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ và thí sinh đã tốt nghiệp THPT có nơi thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Những thí sinh này phải đạt điều kiện về điểm trung bình chung học tập từng năm lớp 10, 11, 12 đạt từ 8,0 trở lên. Căn cứ theo điểm trung bình chung học tập của điểm tổng kết ba năm lớp 10, 11, 12, Trường sẽ xét tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Sau khi được xét trúng tuyển, thí sinh thuộc đối tượng quy định tại điểm f phải học bổ sung kiến thức 01 năm tại một trường dự bị đại học. Kết thúc đợt học, điểm tổng kết các môn học tại các trường dự bị đại học của thí sinh phải đạt từ 8,0 trở lên mới được Trường Đại học Ngoại thương xếp vào học cùng khóa tuyển sinh năm 2024. Chỉ tiêu dành cho đối tượng quy định tại điểm f không quá 1% tổng chỉ tiêu tuyển sinh của trường năm 2023.

1.6.3.2. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh đăng ký hồ sơ xét tuyển theo mẫu của trường;
- Thí sinh đủ điều kiện theo quy định tại mục 1.6.1 của Đề án được trúng tuyển nếu xác nhận nhập học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào Trường Đại học Ngoại thương;
- Thí sinh sau khi trúng tuyển theo phương thức xét tuyển 6 có nguyện vọng tham gia các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình định hướng nghề nghiệp & phát triển quốc tế sẽ đăng ký xét tuyển theo thông báo tuyển sinh các chương trình của trường.

1.6.3.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- a. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng của các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, e gồm:
- Phiếu đăng ký tuyển thẳng (theo mẫu của Trường Đại học Ngoại thương);
 - Bản sao công chứng hợp lệ ít nhất một trong các giấy tờ sau:
 - + Giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi Olympic quốc tế/ cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia. Thí sinh tham dự các cuộc thi Khoa học kỹ thuật phải

nộp kèm bản thuyết minh tóm tắt nội dung đề tài trên một trang A4 có xác nhận của đơn vị tổ chức thi.

+ Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Tiếng Anh, Tiếng Nhật, Tiếng Trung quốc, Tiếng Pháp;

+ Giấy chứng nhận các đối tượng tuyển thẳng khác.

b. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng của đối tượng quy định tại điểm f gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo mẫu của Trường Đại học Ngoại thương);

- Bản sao công chứng hợp lệ học bạ THPT;

- Bản sao công chứng hợp lệ hộ khẩu thường trú và giấy chứng nhận đối tượng thuộc diện xét tuyển thẳng khác.

1.6.4. Đối tượng ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.6.4.1. Đối tượng áp dụng:

a. Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi Học sinh giỏi quốc gia các môn thi thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển của thí sinh (Toán, Tin, Lý, Hóa, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Trung và Tiếng Nhật).

b. Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 đoạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, nội dung đề tài được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp với môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển của trường.

1.6.4.2. Nguyên tắc xét tuyển

Các thí sinh đạt giải tại mục 1.6.4.1 được cộng điểm ưu tiên vào các môn thi thuộc tổ hợp môn xét tuyển của trường với các mức điểm tương ứng trong phương thức xét tuyển 4 dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

- Mức điểm ưu tiên dành cho các đối tượng tại mục 1.6.4.1 như sau:

Giải Nhất : được cộng 04 (bốn) điểm

Giải Nhì : được cộng 03 (ba) điểm

Giải Ba : được cộng 02 (hai) điểm

Giải Khuyến khích : được cộng 01 (một) điểm

Lưu ý: Thí sinh đạt nhiều giải cùng một môn/lĩnh vực thì chỉ được hưởng một tiêu chuẩn cộng điểm cao nhất.

1.6.4.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét ưu tiên xét (theo mẫu của Trường Đại học Ngoại thương);

- Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi Học sinh giỏi quốc gia hoặc giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia. Thí sinh đạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật phải nộp kèm bản thuyết minh tóm tắt nội dung đề tài trên một trang A4 có xác nhận của đơn vị tổ chức thi.

1.7. Xét tuyển đặc thù với Chương trình Định hướng phát triển quốc tế (ĐHPTQT) Kinh tế chính trị quốc tế

1.7.1. Thời gian đăng ký: Từ ngày **05/05/2023** đến trước 17h00 ngày **31/05/2023**.

1.7.2. Các chương trình áp dụng: Chương trình ĐHPTQT Kinh tế chính trị quốc tế (theo bảng chỉ tiêu ở mục 3 thông báo này).

1.7.3. Đối tượng xét tuyển: Mỗi Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương đề xuất tối đa 05 thí sinh gồm 02 đối tượng thí sinh hệ chuyên và không chuyên, cụ thể:

- Thí sinh được giới thiệu phải có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT) từ 18 tháng trở lên tại Tỉnh/Thành phố giới thiệu.
- Thí sinh có tên trong danh sách giới thiệu từ UBND Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương.
- Thí sinh phải có cam kết quay trở lại làm việc tại Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương giới thiệu sau khi tốt nghiệp.

1.7.4. Điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển

1.7.4.1. Thí sinh thuộc hệ chuyên các môn chuyên Toán, Toán-Tin, Tin, Lý, Hóa, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật của các trường THPT trọng điểm quốc gia/ THPT chuyên (theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên và Thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên):

- Tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên;
- Có điểm trung bình chung học tập của 05 học kỳ năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 02 môn thuộc tổ hợp xét tuyển: Toán-Lý hoặc Toán-Hóa hoặc Toán-Văn đạt từ 8,0 trở lên (tính trung bình chung của 02 môn, làm tròn đến một chữ số thập phân);
- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) có điểm đạt từ 180 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Anh trở lên;
- Có tên trong danh sách thí sinh được đề xuất theo công văn của UBND Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương;
- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên.

1.7.4.2. Thí sinh hệ không chuyên (hoặc hệ chuyên, lớp chuyên môn khác với các môn trong tổ hợp môn xét tuyển của trường)

- Tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt từ 8,5 trở lên;
- Có điểm trung bình chung học tập của 05 học kỳ năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 của 02 môn thuộc tổ hợp xét tuyển: Toán-Lý hoặc Toán-Hóa hoặc Toán-Văn đạt từ 8,5 trở lên (tính trung bình chung của 02 môn, làm tròn đến một chữ số thập phân);
- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên, hoặc có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) có điểm đạt từ 180 điểm trở lên, hoặc đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Anh trở lên;
- Có tên trong danh sách thí sinh được đề xuất theo công văn của UBND Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương;
- Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên.

Lưu ý: Trong trường hợp các Phương thức 1, 2 và cách thức xét tuyển đặc thù với chương trình ĐHPTQT Kinh tế chính trị quốc tế vẫn còn dư chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển sang Phương thức 3, 4 cùng ngành và chương trình tương ứng.

1.7.5. Tổ chức xét tuyển:

* Căn cứ xét tuyển: Xác định hồ sơ đủ điều kiện, chỉ tiêu và điểm xét tuyển của thí sinh. Điểm xét tuyển được xác định theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

Điểm xét tuyển = $M1 * 2 + M2 +$ Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực (nếu có) + Điểm ưu tiên giải/ khen thưởng từ cấp Tỉnh trở lên (nếu có)

Trong đó:

- M1: là điểm trung bình chung học tập 05 học kỳ (bao gồm học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm lớp 10,11 và học kỳ 1 năm lớp 12);

- M2: Điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh;

- Điểm ưu tiên giải/ khen thưởng từ cấp Tỉnh trở lên (nếu có):

Đối với thí sinh thuộc đối tượng HSG quốc gia: Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia các môn (Toán, Tin, Lý, Hoá, Văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất : được cộng 04 (bốn) điểm

Giải Nhì : được cộng 03 (ba) điểm

Giải Ba : được cộng 02 (hai) điểm

Giải Khuyến khích : được cộng 01 (một) điểm

Giấy khen từ cấp Tỉnh trở lên (cho các thành tích khác, không trùng với giải Quốc gia) : được cộng 0,5 (nửa) điểm

Lưu ý: Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực (nếu có):

Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường, cụ thể:

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực (nếu có) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực = $\{ [30 - (M1 * 2 + M2)] / 7,5 \} \times$ (Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách + Mức điểm ưu tiên khu vực)

1.7.5. Nguyên tắc xét tuyển

Trên cơ sở công văn giới thiệu thí sinh tham gia chương trình của Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương, Nhà trường xét tuyển thí sinh theo điểm xét tuyển của thí sinh từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu của chương trình cho cách thức xét tuyển trên cơ sở giới thiệu của UBND Tỉnh/Thành phố.

*Tiêu chí phụ: Trong trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách trúng tuyển sẽ sử dụng tiêu chí phụ xét tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- Đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT);

- Điểm trung bình chung học tập THPT môn Toán 05 học kỳ (bao gồm học kỳ 1 và học kỳ 2 của lớp 10,11 và học kỳ 1 lớp 12).

2. Địa điểm nộp hồ sơ, thông báo kết quả xét tuyển

2.1. Địa điểm nộp hồ sơ xét tuyển: Thí sinh Gửi/nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện/chuyên phát nhanh

- Thí sinh đăng ký xét tuyển tại Trụ sở chính Hà Nội hoặc cơ sở Quảng Ninh nộp hồ sơ tại: Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Ngoại thương. Địa chỉ: Số 91, Phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội. Hotline: 0352 530 798 – 0395 790 564.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển tại Cơ sở II-TP Hồ Chí Minh nộp hồ sơ tại: Ban Quản lý đào tạo, Trường Đại học Ngoại thương – Cơ sở II tại TP Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 15 đường D5, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM. Hotline: 0283 512 7257.

2.2. Công bố kết quả xét tuyển: Trường công bố kết quả xét tuyển từng phương thức trên hệ thống xét tuyển của Trường

- Đối với **Phương thức xét tuyển 1, 2, 5 và xét tuyển đặc thù với chương trình ĐHPTQT Kinh tế chính trị quốc tế:** Dự kiến trước 15/06/2023.

- Đối với **Phương thức xét tuyển 3 và 4:** Dự kiến trước ngày 21/08/2023.

- Đối với **Phương thức xét tuyển 6:** Dự kiến trước ngày 05/07/2023.

Lưu ý: Các thí sinh đáp ứng đủ các tiêu chí xét tuyển các phương thức xét tuyển riêng của Nhà trường phải đăng ký nguyện vọng với phương thức xét tuyển riêng trên hệ thống thông tin của Bộ theo thứ tự nguyện vọng từ cao xuống thấp để tiến hành xét tuyển chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tổ hợp môn xét tuyển của các chuyên ngành, chỉ tiêu từng phương thức xét tuyển, tiêu chí phụ và bảng quy đổi các chứng chỉ quốc tế

3.1. Bảng tổ hợp môn xét tuyển của các chương trình đào tạo theo phương thức 1, 2, 3, 5, 6

STT	Mã ngành	Tên chương trình đào tạo	Tổ hợp môn tuyển sinh	Phương thức xét tuyển
Trụ sở chính Hà Nội				
1	NTH500	Nhóm ngành xét tuyển riêng-PTXT1,2,5,6	X01	Phương thức xét tuyển 1,2,5,6 (Xét tuyển sớm)
2	NTH-CLC1	Kinh tế (Chương trình chất lượng cao)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
3	NTH-CLC12	Kinh doanh quốc tế(Chương trình Chất lượng cao)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
4	NTH-CLC18	Kinh tế chính trị quốc tế (chương trình định hướng phát triển quốc tế)	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
5	NTH-CLC13	Quản trị khách sạn (Chương trình Chất lượng cao)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
6	NTH-CLC14	Luật kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
7	NTH-CLC15	Kinh doanh số (Chương trình định hướng nghề nghiệp)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
8	NTH-CLC16	Marketing số (Chương trình định hướng nghề nghiệp)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
9	NTH-CLC2	Kinh tế quốc tế (Chương trình Chất lượng cao)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
10	NTH-CLC3	Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản (Chương trình định hướng nghề nghiệp quốc tế)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)

STT	Mã ngành	Tên chương trình đào tạo	Tổ hợp môn tuyển sinh	Phương thức xét tuyển
11	<i>NTH-CLC4</i>	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng theo định hướng nghề nghiệp quốc tế-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
12	<i>NTH-CLC5</i>	Quản trị kinh doanh quốc tế (Chương trình Chất lượng cao)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
13	<i>NTH-CLC6</i>	Ngân hàng và Tài chính quốc tế (Chương trình chất lượng cao)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
14	<i>NTH-CLC7</i>	Kế toán-Kiểm toán theo định hướng nghề nghiệp ACCA-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
15	<i>NTH-NN1</i>	Tiếng Pháp thương mại (Chương trình Chất lượng cao)-PTXT3	D03_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
16	<i>NTH-NN2</i>	Tiếng trung thương mại (Chương trình chất lượng cao)-PTXT3	D04_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
17	<i>NTH-NN3</i>	Tiếng Nhật thương mại (Chương trình chất lượng cao)-PTXT3	D06_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
18	<i>NTH-NN4</i>	Tiếng Anh thương mại (Chương trình Chất lượng cao)-PTXT3	D01_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
19	<i>NTH-TT1</i>	Kinh tế(Chương trình tiên tiến)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
20	<i>NTH-TT2</i>	Quản trị kinh doanh quốc tế (Chương trình tiên tiến)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
21	<i>NTH-TT3</i>	Tài chính-Ngân hàng (Chương trình tiên tiến)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)

STT	Mã ngành	Tên chương trình đào tạo	Tổ hợp môn tuyển sinh	Phương thức xét tuyển
Cơ sở II-TP. Hồ Chí Minh				
1	NTS500	Nhóm ngành xét tuyển riêng-PTXT1,2,5,6	X01	Phương thức xét tuyển 1,2,5,6 (Xét tuyển sớm)
2	NTS-CLC8	Kinh tế (Chương trình chất lượng cao)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
3	NTS-CLC10	Quản trị kinh doanh quốc tế (Chương trình Chất lượng cao)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
4	NTS-CLC11	Ngân hàng và Tài chính quốc tế (Chương trình chất lượng cao)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
5	NTS-CLC9	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng theo định hướng nghề nghiệp quốc tế-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)
6	NTS-CLC17	Marketing số (Chương trình định hướng nghề nghiệp)-PTXT3	A01_R ; D01_R ; D07_R	Phương thức xét tuyển 3 (Kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ NN QT)

Ghi chú: Các tổ hợp môn riêng các phương thức xét tuyển 1,2,5,6

A01_R (Tổ hợp môn riêng: Toán, Vật lý, Quy đổi chứng chỉ NN Tiếng Anh)

D01_R (tổ hợp môn riêng: Toán, Văn, Quy đổi chứng chỉ NN Tiếng Anh)

D03_R (tổ hợp môn riêng: Toán, Văn, Quy đổi chứng chỉ NN Tiếng Pháp)

D04_R (tổ hợp môn riêng: Toán, Văn, Quy đổi chứng chỉ NN Tiếng Trung)

D06_R (tổ hợp môn riêng: Toán, Văn, Quy đổi chứng chỉ NN Tiếng Nhật)

D07_R (tổ hợp môn riêng: Toán, Hoá, Quy đổi chứng chỉ NN Tiếng Anh)

X01 (tổ hợp môn riêng dùng chung cho các phương thức 1,2,5,6)

3.2. Bảng tổ hợp môn xét tuyển của các chuyên ngành

STT	Tên ngành, chương trình đào tạo	Mã xét tuyển theo Phương thức 4	Tổ hợp môn xét tuyển
A. TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI			
1	Ngành Luật	NTH01-01	A00, A01, D01, D07
	Chương trình tiêu chuẩn Luật thương mại quốc tế		
	Chương trình ĐHNNQT Luật kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp		
2	Ngành Kinh tế	NTH01-02	A00, A01, D01, D02, D03, D04, D06, D07
	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại		
	Chương trình tiêu chuẩn Thương mại quốc tế		
	Ngành Kinh tế quốc tế		A00, A01, D01, D03, D07
	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế quốc tế		
	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế và phát triển quốc tế		
3	Ngành Quản trị Kinh doanh , Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh quốc tế	NTH02	A00, A01, D01, D07
	Ngành Quản trị khách sạn , Chương trình ĐHNNQT Quản trị khách sạn		A00, A01, D01, D07
	Ngành Kinh doanh quốc tế		
	Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế		A00, A01, D01, D07
	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản		A00, A01, D01, D06, D07
	Chương trình ĐHNNQT Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		A00, A01, D01, D07
	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh số		A00, A01, D01, D07
	Ngành Marketing , chương trình ĐHNNQT Marketing số		A00, A01, D01, D07
4	Ngành Tài chính – Ngân hàng	NTH03	A00, A01, D01, D07
	Chương trình tiêu chuẩn Tài chính quốc tế		
	Chương trình tiêu chuẩn Phân tích và đầu tư tài chính		
	Chương trình tiêu chuẩn Ngân hàng		

STT	Tên ngành, chương trình đào tạo	Mã xét tuyển theo Phương thức 4	Tổ hợp môn xét tuyển
	Ngành Kế toán		A00, A01, D01, D07
	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán – Kiểm toán		
	Chương trình ĐHNQT Kế toán – Kiểm toán định hướng nghề nghiệp ACCA		
5	Ngành ngôn ngữ Anh , Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Anh thương mại	NTH04	D01
6	Ngành ngôn ngữ Pháp , Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Pháp thương mại	NTH05	D01, D03
7	Ngành ngôn ngữ Trung , Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Trung thương mại	NTH06	D01, D04
8	Ngành ngôn ngữ Nhật , Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Nhật thương mại	NTH07	D01, D06
9	Ngành Kinh tế chính trị , Chương trình ĐHPTQT Kinh tế chính trị quốc tế	NTH09	A00, A01, D01, D07
B. CƠ SỞ QUẢNG NINH			
1	Ngành Kế toán , Chương trình tiêu chuẩn Kế toán – Kiểm toán	NTH08	A00, A01, D01, D07
	Ngành Kinh doanh quốc tế , Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế		A00, A01, D01, D07
C. CƠ SỞ II TẠI TP HỒ CHÍ MINH			
1	Ngành Kinh tế , Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại	NTS01	A00, A01, D01, D06, D07
	Ngành Quản trị kinh doanh , Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh quốc tế		A00, A01, D01, D07
2	Ngành Tài chính – Ngân hàng , Chương trình tiêu chuẩn Tài chính quốc tế	NTS02	A00, A01, D01, D07
	Ngành Kế toán , chương trình tiêu chuẩn Kế toán-Kiểm toán		A00, A01, D01, D07
	Ngành Kinh doanh quốc tế , Chương trình ĐHNQT Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		A00, A01, D01, D07
	Ngành Marketing , chương trình ĐHNQT Truyền thông Marketing tích hợp		A00, A01, D01, D07

3.3. Chỉ tiêu chi tiết theo ngành của từng phương thức của Nhà trường

3.3.1. Chỉ tiêu theo các phương thức xét tuyển riêng của Nhà trường (Phương thức 1, 2, 3, 5)

STT	Ngành	Mã xét tuyển	Phương thức 1 (HSG QG, Tỉnh/thành phố và Hệ chuyên)			Phương thức 2 (chứng chỉ NNQT+ Học bạ/SAT/ ACT/A level)			Phương thức 3 (chứng chỉ NNQT và kết quả thi THPT)	Phương thức 5 (kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG)	Tổng cộng
			HSG QG	Giải Tỉnh, TP	Hệ Chuyên	Hệ chuyên	Không chuyên	Chứng chỉ SAT, ACT, A-Level			
A. TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI											2356
1	Ngành Kinh tế										
1.1	Chương trình tiên tiến Kinh tế đối ngoại	TT1				40	15	10	15	80	
1.2	Chương trình CLC Kinh tế đối ngoại	CLC1				115	40	25	40	220	
1.3	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại	TC1	65	65	85					65	280
2	Ngành Kinh tế quốc tế										
2.1	Chương trình CLC Kinh tế quốc tế	CLC2				65	20	15	20	120	
2.2	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế quốc tế	TC2	25	25	35					35	120
3	Ngành Kinh doanh quốc tế										
3.1	Chương trình CLC Kinh doanh quốc tế	CLC12				45	15	10	10	80	
3.2	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	CLC3	3	3	4	25	10	5	10	60	
3.3	Chương trình ĐHNNQT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	CLC4	3	3	4	15	6	4	10	45	
3.4	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh số	CLC15	3	3	4	17	8	5	10	50	
3.5	Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế	TC3	10	10	25					20	65
4	Ngành Quản trị kinh doanh										
4.1	Chương trình tiên tiến Quản trị kinh doanh quốc tế	TT2				40	15	10	15	80	
4.2	Chương trình CLC Quản trị kinh doanh quốc tế	CLC5				65	20	15	20	120	

STT	Ngành	Mã xét tuyển	Phương thức 1 (HSG QG, Tỉnh/thành phố và Hệ chuyên)			Phương thức 2 (chứng chỉ NNQT+ Học bạ/SAT/ ACT/A level)			Phương thức 3 (chứng chỉ NNQT và kết quả thi THPT)	Phương thức 5 (kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG)	Tổng cộng
			HSG QG	Giải Tỉnh, TP	Hệ Chuyên	Hệ chuyên	Không chuyên	Chứng chỉ SAT, ACT, A-Level			
4.3	Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh quốc tế	TC4	20	20	25					35	100
5	Ngành Quản trị Khách sạn										
5.1	Chương trình ĐHNQT Quản trị khách sạn	CLC13	3	3	4	15	6	4	10		45
6	Ngành Tài chính-Ngân hàng										
6.1	Chương trình tiên tiến Tài chính-Ngân hàng	TT3				20	6	4	10		40
6.2	Chương trình CLC Ngân hàng và Tài chính quốc tế	CLC6				65	20	15	20		120
6.3	Chương trình tiêu chuẩn Tài chính quốc tế	TC5	20	20	25					35	100
7	Ngành Kế toán										
7.1	Chương trình ĐHNQT Kế toán -Kiểm toán theo định hướng ACCA	CLC7	3	3	4	27	12	7	12		68
7.2	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán -Kiểm toán	TC6	10	10	15					10	45
8	Ngành Luật										
8.1	Chương trình tiêu chuẩn Luật thương mại quốc tế	TC7	10	10	15					5	40
8.2	Chương trình ĐHNQT Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp	CLC14	3	3	4	17	8	6	12		53
9	Ngành Ngôn ngữ Anh										
9.1	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Anh Thương mại	TC8	15	15	25						55
9.2	Chương trình CLC Tiếng Anh Thương mại	NN4				28	14	6	12		60

STT	Ngành	Mã xét tuyển	Phương thức 1 (HSG QG, Tỉnh/thành phố và Hệ chuyên)			Phương thức 2 (chứng chỉ NNQT+ Học bạ/SAT/ ACT/A level)			Phương thức 3 (chứng chỉ NNQT và kết quả thi THPT)	Phương thức 5 (kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG)	Tổng cộng
			HSG QG	Giải Tỉnh, TP	Hệ Chuyên	Hệ chuyên	Không chuyên	Chứng chỉ SAT, ACT, A-Level			
10	Ngành Ngôn ngữ Pháp										
10.1	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Pháp thương mại	TC9	7	7	16					30	
10.2	Chương trình CLC Tiếng Pháp thương mại	NN1				15	6	4	5	30	
11	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc										
11.1	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Trung Thương mại	TC10	7	7	16					30	
11.2	Chương trình CLC Tiếng Trung thương mại	NN2				18	9	6	7	40	
12	Ngành Ngôn ngữ Nhật										
12.1	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Nhật thương mại	TC11	12	12	26					50	
12.2	Chương trình CLC ngành Tiếng Nhật thương mại	NN3				18	9	6	7	40	
13	Ngành Marketing										
13.1	Chương trình ĐHNQT Marketing số	CLC16	3	3	4	15	6	4	10	45	
14	Ngành Kinh tế chính trị										
14.1	Chương trình ĐHPTQT Kinh tế chính trị quốc tế	CLC18	1	2	2	2	2	1	5	15	
			Xét tuyển đặc thù								30
B. CƠ SỞ II – TP. HỒ CHÍ MINH										780	
1	Ngành Kinh tế										
1.1	Chương trình CLC Kinh tế đối ngoại	CLC8				100	45	35	40	220	
1.2	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại	TC12	45	45	60				50	200	

STT	Ngành	Mã xét tuyển	Phương thức 1 (HSG QG, Tỉnh/thành phố và Hệ chuyên)			Phương thức 2 (chứng chỉ NNQT+ Học bạ/SAT/ ACT/A level)			Phương thức 3 (chứng chỉ NNQT và kết quả thi THPT)	Phương thức 5 (kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG)	Tổng cộng
			HSG QG	Giải Tỉnh, TP	Hệ Chuyên	Hệ chuyên	Không chuyên	Chứng chỉ SAT, ACT, A-Level			
2	Ngành Quản trị kinh doanh										
2.1	Chương trình CLC Quản trị kinh doanh quốc tế	CLC10				34	22	12	12	80	
2.2	Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh quốc tế	TC13	8	8	14				15	45	
3	Ngành Tài chính-Ngân hàng										
3.1	Chương trình CLC Ngân hàng và Tài chính quốc tế	CLC11				30	20	10	10	70	
3.2	Chương trình tiêu chuẩn Tài chính quốc tế	TC14	6	6	8				10	30	
4	Ngành Kế toán										
4.1	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán -Kiểm toán	TC15	8	8	14				15	45	
5	Ngành Kinh doanh quốc tế										
5.1	Chương trình ĐHNQT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	CLC9	3	3	4	15	6	4	10	45	
6	Ngành Marketing										
6.1	Chương trình ĐHNQT Truyền thông Marketing tích hợp	CLC17	3	3	4	15	6	4	10	45	
C. CƠ SỞ QUẢNG NINH											
1	Ngành Kinh doanh quốc tế										
1.1	Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế	TC16	1	2	2					5	

STT	Ngành	Mã xét tuyển	Phương thức 1 (HSG QG, Tỉnh/thành phố và Hệ chuyên)			Phương thức 2 (chứng chỉ NNQT+ Học bạ/SAT/ ACT/A level)			Phương thức 3 (chứng chỉ NNQT và kết quả thi THPT)	Phương thức 5 (kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG)	Tổng cộng
			HSG QG	Giải Tỉnh, TP	Hệ Chuyên	Hệ chuyên	Không chuyên	Chứng chỉ SAT, ACT, A-Level			
2	Ngành Kế toán										
2.1	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán -Kiểm toán	TC17	1	2	2					5	
	Tổng cộng		298	301	446	861	346	227	342	295	3146

Lưu ý:

- Đối với Phương thức xét tuyển 1 và 5, cho phép thí sinh trúng tuyển theo chương trình tiêu chuẩn trong bảng trên được chuyển sang chương trình tiêu chuẩn có mong muốn khác thuộc ngành trúng tuyển.

- Trong trường hợp các phương thức không tuyển sinh hết chỉ tiêu, chỉ tiêu còn dư sẽ được chuyển sang các phương thức xét tuyển tiếp theo theo ngành tương ứng.

3.3.2. Chỉ tiêu theo Phương thức 4 – Xét tuyển theo kết quả thi THPT năm 2023

STT	Tên ngành, chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu theo kết quả thi THPT năm 2023
A. TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI				559
1	Ngành Luật	NTH01-01	A00, A01, D01, D07	22
	Chương trình tiêu chuẩn Luật thương mại quốc tế			15
	Chương trình ĐHNQT Luật kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp			7

STT	Tên ngành, chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu theo kết quả thi THPT năm 2023	
2	Ngành Kinh tế	NTH01-02	A00, A01, D01, D02, D03, D04, D06, D07	120	
	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại				
	Chương trình tiêu chuẩn Thương mại quốc tế				
	Ngành Kinh tế quốc tế			A00, A01, D01, D03, D07	90
	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế quốc tế				
	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế và phát triển quốc tế				
3	Ngành Quản trị Kinh doanh , chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh quốc tế	NTH02	A00, A01, D01, D07	30	
	Ngành Quản trị khách sạn , chương trình ĐHNNQT Quản trị khách sạn		A00,A01, D01, D07	5	
	Ngành Kinh doanh quốc tế				
	Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế		A00, A01, D01, D07	40	
	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản		A00, A01, D01, D06, D07	10	
	Chương trình ĐHNNQT Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		A00, A01, D01, D07	5	
	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh số		A00, A01, D01, D07	10	
	Ngành Marketing , chương trình ĐHNNQT Marketing số		A00, A01, D01, D07	5	
4	Ngành Tài chính – Ngân hàng	NTH03	A00, A01, D01, D07	70	
	Chương trình tiêu chuẩn Tài chính quốc tế				
	Chương trình tiêu chuẩn Phân tích và đầu tư tài chính				
	Chương trình tiêu chuẩn Ngân hàng				
	Ngành Kế toán		A00, A01, D01, D07	32	
	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán – Kiểm toán			20	
	Chương trình ĐHNNQT Kế toán – Kiểm toán định hướng nghề nghiệp ACCA			12	
5	Ngành ngôn ngữ Anh , Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Anh thương mại	NTH04	D01	50	
6	Ngành ngôn ngữ Pháp , Chương trình tiêu chuẩn tiếng Pháp thương mại	NTH05	D01, D03	25	

STT	Tên ngành, chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu theo kết quả thi THPT năm 2023
7	Ngành ngôn ngữ Trung , Chương trình tiêu chuẩn tiếng Trung thương mại	NTH06	D01, D04	15
8	Ngành ngôn ngữ Nhật , Chương trình tiêu chuẩn tiếng Nhật thương mại	NTH07	D01, D06	25
9	Ngành Kinh tế chính trị , Chương trình ĐHPTQT Kinh tế chính trị quốc tế	NTH09	A00, A01, D01, D07	5
B. CƠ SỞ QUẢNG NINH				140
1	Ngành Kế toán , Chương trình tiêu chuẩn Kế toán – Kiểm toán	NTH08	A00,A01,D01,D07	65
	Ngành Kinh doanh quốc tế , Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế		A00,A01,D01,D07	75
C. CƠ SỞ II TẠI TP HỒ CHÍ MINH				140
1	Ngành Kinh tế , Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại	NTS01	A00,A01,D01, D06,D07	85
	Ngành Quản trị kinh doanh , Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh quốc tế		A00,A01,D01,D07	10
2	Ngành Tài chính – Ngân hàng , Chương trình tiêu chuẩn Tài chính quốc tế	NTS02	A00,A01,D01,D07	15
	Ngành Kế toán , chương trình tiêu chuẩn Kế toán-Kiểm toán		A00,A01,D01,D07	20
	Ngành Kinh doanh quốc tế , Chương trình ĐHNNQT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		A00,A01,D01,D07	5
	Ngành Marketing , Chương trình ĐHNNQT Truyền thông Marketing tích hợp		A00,A01,D01,D07	5
Tổng chỉ tiêu				839

Lưu ý:

- Thí sinh sau khi đã trúng tuyển vào trường theo Nhóm ngành (theo Mã xét tuyển) được xét tuyển vào ngành đào tạo trong nhóm ngành của trường căn cứ trên nguyện vọng đăng ký ngành theo thứ tự ưu tiên của thí sinh và chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành xét tuyển. Riêng đối với các chương trình ĐHNN&PTQT thí sinh có thể lựa chọn đăng ký theo nguyện vọng.
- Thí sinh trúng tuyển vào ngành đào tạo nào được quyền lựa chọn chương trình tương ứng phù hợp, theo nguyện vọng trong quá trình học.
- Trong trường hợp trường không tuyển sinh hết chỉ tiêu theo phương thức xét tuyển riêng, chỉ tiêu còn dư sẽ được chuyển sang phương thức xét tuyển tiếp theo theo ngành tương ứng.

3.3.3. Chỉ tiêu phương thức tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và đào tạo

STT	Tên ngành	Mã xét tuyển	Chỉ tiêu
Trụ sở chính Hà Nội			
1	Ngành Luật	TTH01	5
2	Ngành Kinh tế	TTH02	20
3	Ngành Kinh tế quốc tế	TTH03	10
4	Ngành Quản trị kinh doanh	TTH04	10
5	Ngành Kinh doanh quốc tế	TTH05	5
6	Ngành Kế toán	TTH06	5
7	Ngành Tài chính –Ngân hàng	TTH07	10
8	Ngành Ngôn ngữ Anh	TTH08	5
9	Ngành Ngôn ngữ Pháp	TTH09	5
10	Ngành Ngôn ngữ Trung	TTH10	5
11	Ngành Ngôn ngữ Nhật	TTH11	5
Cơ sở II-TP.HCM			
1	Ngành Kinh tế	TTH12	15
2	Ngành Quản trị kinh doanh	TTH13	5
3	Ngành Tài chính-Ngân hàng	TTH14	5
4	Ngành Kế toán	TTH15	5
	Tổng chỉ tiêu		115

Lưu ý: Trong trường hợp trường không tuyển sinh hết chỉ tiêu theo phương thức xét tuyển thẳng, chỉ tiêu còn dư sẽ được chuyển sang phương thức xét tuyển tiếp theo ngành tương ứng.

3.4. Tiêu chí phụ sử dụng trong xét tuyển đối với các phương thức:

a. Đối với các phương thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT và chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế (Phương thức 1 và 2)

Trường hợp tại ngưỡng điểm xét tuyển xác định trúng tuyển của từng chương trình đào tạo, từng phương thức xét tuyển, số thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu xét tuyển còn lại, Trường sử dụng tiêu chí phụ là điểm trung bình chung học tập môn Toán của 05 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12. Riêng đối với phương thức xét tuyển theo chứng chỉ A-Level, tiêu chí phụ là điểm tuyệt đối môn Toán trong kỳ thi xét chứng chỉ A-Level (PUM range).

b. Đối với các phương thức xét tuyển có sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (Phương thức 3 và 4)

Trường hợp tại ngưỡng điểm xét tuyển xác định trúng tuyển của từng chương trình đào tạo, số thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu xét tuyển còn lại, Trường sử dụng tiêu chí phụ là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 môn Toán.

c. Đối với phương thức xét tuyển 5 dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội và ĐHQG TP.HCM

Trường hợp tại ngưỡng điểm xét tuyển xác định trúng tuyển của từng chương trình đào tạo, số thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu xét tuyển còn lại, Trường sử dụng tiêu chí phụ là điểm trung bình chung học tập môn Toán của 05 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12.

3.5. Bảng quy đổi các chứng chỉ quốc tế dành cho các phương thức xét tuyển riêng của Trường

3.5.1. Bảng quy đổi chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế và các giải quốc gia các môn Ngoại ngữ

STT	Chứng chỉ	Nội dung	Mức quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế			
			Mức điểm 8.5	Mức điểm 9.0	Mức điểm 9.5	Mức điểm 10
1	IELTS	Điểm IELTS	6.5	7	7.5	Từ 8.0 đến 9.0
2	TOEFL iBT	Điểm TOEFL iBT	Từ 79 đến 92	Từ 93 đến 101	Từ 102 đến 109	Từ 110 đến 120
3	Cambridge English Scale	Điểm Cambridge English Scale	Từ 180 đến 183	Từ 184 đến 191	Từ 192 đến 199	Từ 200 đến 230
4	Năng lực tiếng Nhật JLPT	Điểm Năng lực tiếng Nhật JLPT		N3 (Mức điểm từ 130 điểm trở lên)	N2	N1
5	Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)	Điểm bài thi môn tiếng Nhật (bao gồm điểm của các phân môn Nghe hiểu, Đọc hiểu, Nghe đọc hiểu và Viết luận)		Từ 220 đến 269	Từ 270 đến 319	Từ 320 đến 400

STT	Chứng chỉ	Nội dung	Mức quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế			
			Mức điểm 8.5	Mức điểm 9.0	Mức điểm 9.5	Mức điểm 10
6	Chứng chỉ tiếng Trung HSK	Điểm Chứng chỉ tiếng Trung HSK		HSK4 (Mức điểm từ 280 điểm trở lên)	HSK5	HSK6
7	Bằng Tiếng Pháp	Bằng Tiếng Pháp		DELF-B2	DALF C1	DALF C2
8	Giải HSG quốc gia	Loại giải HSG quốc gia		Giải Ba	Giải Nhì	Giải Nhất

3.5.2. Bảng quy đổi chứng chỉ quốc tế SAT hoặc ACT

STT	Điểm bài thi Chuẩn hóa năng lực quốc tế		Quy đổi điểm bài thi Chuẩn hóa năng lực quốc tế theo thang điểm 20
	ACT	SAT	
1	27	1260-1290	17,00
2	28-29	1300-1350	17,50
3	30-31	1360-1410	18,00
4	32	1420-1440	18,50
5	33	1450-1480	19,00
6	34	1490-1520	19,50
7	35-36	1530-1600	20,00

3.5.3. Bảng quy đổi điểm trong chứng chỉ A-level

STT	Điểm trên chứng chỉ A-Level	Điểm quy đổi theo thang 10
1	A*	10,00
2	A	8,50
3	B	8,00
4	C	7,50
5	D	7,00
6	E	6,50

4. Tuyển sinh các chương trình tiên tiến, chất lượng cao, định hướng nghề nghiệp và phát triển quốc tế sau khi trúng tuyển theo Phương thức 1, 4, 5 và 6

Đối với thí sinh sau khi trúng tuyển vào trường theo phương thức xét tuyển 1, 4, 5 và 6 vào các chương trình tiêu chuẩn sẽ được đăng ký xét tuyển vào chương trình tiên tiến, chất lượng cao, các chương trình định hướng nghề nghiệp và phát triển quốc tế khi đáp ứng điều kiện về điểm sản nhận hồ sơ xét tuyển của từng chương trình. Điểm sản nhận hồ sơ xét tuyển và phương thức xét tuyển vào các chương trình này sẽ được quy định cụ thể trong thông báo xét tuyển chương trình tiên tiến, chất lượng cao và các chương trình định hướng nghề nghiệp và phát triển quốc tế năm 2023 của trường.

Các chương trình tiên tiến, chất lượng cao và định hướng nghề nghiệp và phát triển quốc tế như sau:

STT	Chương trình	Trụ sở chính Hà Nội	Cơ sở II – TP. HCM
1	CTTT Kinh tế đối ngoại	X	Không tuyển
2	CTTT Quản trị kinh doanh quốc tế	X	Không tuyển
3	CTTT Tài chính-Ngân hàng	X	Không tuyển
4	CLC Kinh tế đối ngoại	X	X
5	CLC Quản trị kinh doanh quốc tế	X	X
6	CLC Ngân hàng và tài chính quốc tế	X	X
7	CLC Kinh tế quốc tế	X	Không tuyển
8	CLC Kinh doanh quốc tế	X	Không tuyển
9	ĐHNNQT – Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng định hướng nghề nghiệp quốc tế	X	X
10	ĐHNNQT – Kế toán-Kiểm toán định hướng nghề nghiệp ACCA	X	Không tuyển
11	ĐHNNQT – Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	X	Không tuyển
12	ĐHNNQT – Quản trị Khách sạn	X	Không tuyển
13	ĐHNNQT – Luật KDQT theo mô hình thực hành nghề nghiệp	X	Không tuyển
14	ĐHNNQT – Kinh doanh số	X	Không tuyển
15	ĐHNNQT – Marketing số	X	Không tuyển
16	ĐHNNQT – Truyền thông marketing tích hợp	Không tuyển	X
17	ĐHPTQT – Kinh tế chính trị quốc tế	X	Không tuyển
18	CLC Ngôn ngữ Pháp	X	Không tuyển
19	CLC Ngôn ngữ Trung	X	Không tuyển
20	CLC Ngôn ngữ Nhật	X	Không tuyển
21	CLC Ngôn ngữ Anh	X	Không tuyển

- **Chỉ tiêu tuyển sinh:** Căn cứ vào số lượng hồ sơ đăng ký, điều kiện đảm bảo chất lượng cho mỗi chương trình, Nhà trường sẽ xác định chỉ tiêu cụ thể cho từng chương trình để đảm bảo chất lượng và phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường.

- **Đối tượng và điều kiện tham gia dự tuyển:** Sinh viên đã trúng tuyển các chương trình tiêu chuẩn tại Trụ sở chính Hà Nội, Cơ sở Quảng Ninh và Cơ sở II – TP Hồ Chí Minh.

+ Sinh viên trúng tuyển các chương trình tiêu chuẩn tại Trụ sở chính Hà Nội và Cơ sở Quảng Ninh đáp ứng các điều kiện của chương trình đăng ký dự tuyển vào các CTTT, CLC và định hướng nghề nghiệp quốc tế theo quy định của Trụ sở chính Hà Nội.

+ Sinh viên trúng tuyển các chương trình tiên chuẩn tại Cơ sở II – TP. Hồ Chí Minh đáp ứng các điều kiện đăng ký dự tuyển vào các chương trình CLC, định hướng nghề nghiệp quốc tế của Cơ sở II – TP. Hồ Chí Minh.

- **Điểm sàn nhận hồ sơ dự tuyển vào các CTTT, CLC:** Điểm sàn nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển của từng CTTT, chương trình CLC và chương trình định hướng nghề nghiệp quốc tế là ngưỡng điểm trúng tuyển của từng phương thức xét tuyển vào ngành có CTTT, chương trình CLC và định hướng nghề nghiệp. Cụ thể như sau:

STT	Chương trình	Trụ sở chính Hà Nội	Cơ sở II - TP. Hồ Chí Minh
1	Chương trình CTTT Kinh tế đối ngoại	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Kinh tế	Không tuyển
2	Chương trình CTTT Quản trị kinh doanh quốc tế	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh	Không tuyển
3	Chương trình CTTT Tài chính- Ngân hàng	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Tài chính-Ngân hàng	Không tuyển
4	Chương trình CLC Kinh tế đối ngoại	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Kinh tế	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Kinh tế
5	Chương trình CLC Quản trị kinh doanh quốc tế	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh
6	Chương trình CLC chuyên ngành Ngân hàng và tài chính quốc tế	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Tài chính-Ngân hàng	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Tài chính-Ngân hàng
7	Chương trình CLC chuyên ngành Kinh tế quốc tế	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Kinh tế quốc tế	Không tuyển
8	Chương trình CLC Kinh doanh quốc tế	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Kinh doanh quốc tế	Không tuyển
9	Chương trình ĐHNQT Logistics và quản lý chuỗi cung ứng định hướng nghề nghiệp quốc tế	Xét tuyển trong nhóm ngành NTH02-02	Xét tuyển trong nhóm ngành NTS02
10	Chương trình ĐHNQT Kế toán – Kiểm toán định hướng nghề nghiệp ACCA	Xét tuyển trong nhóm ngành NTH03	Không tuyển

STT	Chương trình	Trụ sở chính Hà Nội	Cơ sở II - TP.Hồ Chí Minh
11	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	Xét tuyển trong nhóm ngành NTH02-02	Không tuyển
12	Chương trình ĐHNNQT Quản trị khách sạn	Xét tuyển trong nhóm ngành NTH02-01	Không tuyển
13	Chương trình ĐHNNQT Luật KDQT theo mô hình thực hành nghề nghiệp	Xét tuyển trong nhóm ngành NTH01-01	Không tuyển
14	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh số	Xét tuyển trong nhóm ngành NTH02-02	Không tuyển
15	Chương trình ĐHNNQT Marketing số	Xét tuyển trong nhóm ngành NTH02-02	Không tuyển
16	Chương trình ĐHNNQT Truyền thông Marketing tích hợp	Không tuyển	Xét tuyển trong nhóm ngành NTS02
17	Chương trình ĐHNNQT Kinh tế chính trị quốc tế	Xét tuyển trong nhóm ngành NTH09	Không tuyển
18	Chương trình CLC Ngôn ngữ Nhật	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Nhật	Không tuyển
19	Chương trình CLC Ngôn ngữ Pháp	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Pháp	Không tuyển
20	Chương trình CLC Ngôn ngữ Trung	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Trung	Không tuyển
21	Chương trình CLC Ngôn ngữ Anh	Ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh	Không tuyển

- Điều kiện ngành đăng ký:

+ Sinh viên đã trúng tuyển vào trường Đại học Ngoại thương, đạt mức điểm sàn nhận hồ sơ của từng CTTT, CLC.

+ Sinh viên đã trúng tuyển ngành có đào tạo chương trình CLC chỉ được đăng ký dự tuyển vào chương trình CLC thuộc ngành đã trúng tuyển.

+ Sinh viên trúng tuyển vào trường (tất cả các ngành) nếu đạt mức điểm sàn nhận hồ sơ của CTTT được đăng ký dự tuyển vào CTTT theo nguyện vọng.

- **Phương thức xét tuyển:** Hội đồng tuyển sinh xét tuyển sinh viên vào CTTT, chương trình CLC năm 2023 xét tuyển sinh viên vào các chương trình đã đăng ký căn cứ trên điểm xét tuyển theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu.

6. Mức thu học phí năm học 2023-2024

Thực hiện theo quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ban hành theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ.

- Học phí dự kiến năm học 2023-2024 đối với chương trình đại trà: 25 triệu đồng/sinh viên/năm.

- Học phí chương trình Chất lượng cao dự kiến là 45 triệu đồng/năm.

- Học phí chương trình tiên tiến dự kiến là 70 triệu đồng/năm.

- Học phí của các chương trình định hướng nghề nghiệp và phát triển quốc tế: Chương trình Logistics và quản lý chuỗi cung ứng định hướng nghề nghiệp quốc tế, Chương trình Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản, Chương trình Kế toán – Kiểm toán định hướng nghề nghiệp ACCA, Chương trình CLC Luật kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp, dự kiến khoảng 45 triệu đồng/năm. Học phí của chương trình Quản trị khách sạn, Marketing số, Kinh doanh số, Truyền thông Marketing tích hợp dự kiến là 60 triệu đồng/năm.

- Dự kiến học phí của các chương trình được điều chỉnh hằng năm không quá 10%/năm.

7. Về miễn giảm học phí và học bổng

- Trường thực hiện quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với Cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo các quy định hiện hành; thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

- Với mục tiêu thu hút nhân tài và đảm bảo khả năng tiếp cận giáo dục đại học với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nỗ lực vươn lên trong học tập, hằng năm trường trích khoảng 30 tỷ đồng từ nguồn thu học phí của sinh viên chính quy, các nguồn thu khác của trường để cấp học bổng khuyến khích học tập, hỗ trợ tài chính và các hoạt động của sinh viên theo Quyết định số 40/QĐ-ĐHNT ngày 16/01/2017 về quy định chính sách hỗ trợ sinh viên hệ chính quy. Cụ thể như sau:

+ Quỹ học bổng khuyến khích học tập bao gồm: Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên đạt kết quả tốt trong học tập; Học bổng dành cho sinh viên các chương trình chương trình tiên tiến, chất lượng cao và các chương trình định hướng nghề nghiệp và phát triển quốc tế; Học bổng khuyến khích dành cho sinh viên thủ khoa đầu vào; Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt; Học bổng của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước...

+ Các hoạt động hỗ trợ sinh viên bao gồm: Hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học; Hỗ trợ ưu tiên bố trí ký túc xá và miễn giảm lệ phí ký túc xá cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ tài chính cho sinh viên trong các trường hợp khó khăn đột xuất; Hỗ trợ thường niên cho các câu lạc bộ sinh viên; Hỗ trợ chi phí hành chính cho Đoàn thanh niên; Phụ cấp cho cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, chủ tịch câu lạc bộ sinh viên.....; Hỗ trợ các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên; Hỗ trợ tiền Tết Nguyên Đán cho sinh

viên; Hỗ trợ công tác Hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, tư vấn việc làm cho sinh viên; Hỗ trợ chuyên môn cho các câu lạc bộ và các Hỗ trợ khác.

+ Trường có quỹ cho vay học bổng FTU-MABUCHI với định mức cho vay khoảng 15 triệu đồng/năm, lãi suất 0%, thời gian cho vay kéo dài tối đa 8 năm, dành cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để trang trải chi phí sinh hoạt và học tập.

8. Về bố trí chỗ ở KTX cho sinh viên tại Trụ sở chính Hà Nội, Cơ sở Quảng Ninh

Số chỗ ở KTX: Khoảng 1000 chỗ. Nhà trường ưu tiên theo đối tượng chính sách.

Trường Đại học Ngoại thương trân trọng thông báo./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Chủ tịch và các thành viên HĐTS;
- Các đơn vị liên quan trong trường;
- Trang thông tin điện tử của trường;
- Lưu VT, QLĐT.

(Đã ký)

HIỆU TRƯỞNG
PGS, TS. Bùi Anh Tuấn